

Bản án số: 324/2021/HS-PT
Ngày: 28/10/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân.
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 301/2021/HSPT ngày 13/7/2021 đối với các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Trần Thị H, sinh năm 1972 tại Long An; nơi khẩu thường trú: 07 đường N, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Ngọc M (đã chết) và bà Đặng Thị H; có chồng Nguyễn Xuân S và 02 con sinh năm 1990 và năm 1992; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020, đến ngày 26/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Dương Thị Xuân M, sinh năm 1961 tại Bình Thuận; nơi thường trú: 14/1 đường T, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: không xác định; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ban H và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có chồng Nguyễn M H (đã chết) và 02 con sinh năm 1982 và năm 1983; tiền án: không có; tiền sự: Tại Quyết định số 2915/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2019 bị Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số

tiền 92.500.000 đồng về hành vi "Buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu". Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020, đến ngày 26/01/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Võ Minh T, sinh năm 1979 tại Long An; nơi thường trú: Khu phố A, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Bánh và bà Nguyễn Thị Kim D; có vợ Võ Thị Hồng C và 02 con sinh năm 2000 và năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020, đến ngày 26/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 15 phút ngày 29/10/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và chức vụ Công an Quận 11 phối hợp với Phòng Cảnh sát kinh tế Công an Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra phát hiện, bắt quả tang xe ô tô biển kiểm soát 51B-284.08 (loại xe 16 chỗ, hiệu Hyundai, màu bạc) do tài xế Võ Minh T điều khiển đang dừng, đỗ trước nhà số 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, để đối tượng My (không rõ lai lịch) giao 750 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại cho Dương Thị Xuân M đang dừng xe máy biển số: 59K2 - 436.36, để nhận thuốc lá điều ngoại nhập của đối tượng My.

Tiến hành kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 51B-284.08, do Võ Minh T điều khiển phát hiện có 2.200 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại của Trần Thị H và của 01 đối tượng tên My (chưa rõ lai lịch) đi cùng xe. Tất cả các bao thuốc lá điều trên đều không có hóa đơn, chứng từ và không có dán tem do Bộ tài chính ban hành. Tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Võ Minh T, Trần Thị H và Dương Thị Xuân M. Riêng đối tượng tên My đã bỏ trốn.

Thu giữ tổng cộng 2.950 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại gồm: 300 bao thuốc lá hiệu HERO; 400 bao thuốc lá hiệu JET; 100 bao thuốc lá hiệu ESSE SPECIAL GOLD; 100 bao thuốc lá hiệu CANYON; 600 bao thuốc lá hiệu 555; 100 bao thuốc lá hiệu CRAVEN A; 300 bao thuốc lá hiệu MOND BLUEBERRY; 100 bao thuốc lá hiệu ESSE LIGHTS; 200 bao thuốc lá hiệu ESSE MENTHOL; 100 bao thuốc lá hiệu RICHMOND; 500 bao thuốc lá hiệu CAPRI; 100 bao thuốc lá hiệu MOND (hương dâu) và 50 bao thuốc lá hiệu MOND (hương nho).

Tại Văn bản số: 96/CV-2020 HHTLVN ngày 02/11/2020, Hiệp Hội Thuốc Lá Việt Nam đã kết luận: 13 mẫu thuốc lá có nhãn hiệu: HERO, JET, ESSE SPECIAL GOLD, CANYON, 555, CRAVEN A, MOND BLUEBERRY, ESSE LIGHTS, ESSE MENTHOL, RICHMOND, CAPRI, MOND (hương dâu), MOND (hương nho) là thuốc lá điều nhập lậu.

Ngày 18/11/2020, tiến hành khám xét chỗ ở của Dương Thị Xuân M, tại 14/1 Trần Trung Lập, Phường 2, Quận 6. Qua khám xét không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan đến phạm tội.

Ngày 19/11/2020, tiến hành khám xét chỗ ở của Trần Thị H, tại số 7 đường Nguyễn Du, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An và chỗ ở của Võ Minh T, tại Khu phố 5, Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Qua khám xét không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan đến phạm tội.

Tiến hành cho Võ Minh T chỉ điểm nơi đã đón đối tượng My tại đầu cầu Cửa Đông, Km 67+010 thuộc khu phố 4, phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Kết quả xác minh không có đối tượng My. Đồng thời, cho Trần Thị H chỉ điểm nơi mua thuốc lá xác định: địa điểm tại khu vực giáp biên giới nước Campuchia, lề đường Kênh 1, thuộc Kênh 1, Km 01+200, tỉnh lộ 831, ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, không xác định được người bán thuốc lá cho H.

Tại cơ quan điều tra, Võ Minh T khai nhận: T là tài xế chở khách, thường xuyên vận chuyển hành khách tuyến thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đi Thành phố Hồ Chí Minh cho ai có nhu cầu với giá vận chuyển 160.000 đồng/lượt đi và về. Xe ô tô biển kiểm soát: 51B-284.08, loại xe 16 chỗ, hiệu HyunDai, là do T thuê của bà Lê Thị Xuân Trang, sinh năm 1989, địa chỉ: 167/7/34/24 Phú Định, Phường 16, Quận 8 vào khoảng tháng 05/2020 với giá 500.000 đồng/ngày và được thanh toán vào cuối tháng. Trang là em dâu trong gia đình nên việc thuê xe không có hợp đồng. Vào lúc 21 giờ 52 phút ngày 28/10/2020, Trần Thị H sử dụng số điện thoại: 089868816 nhắn tin vào số điện thoại: 0918051805 của T hẹn sáng ngày 29/10/2020 đến chợ Kiến Tường, Long An để chở 1.900 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho H, cùng với nội dung số tiền lời và tiền công vận chuyển là 950.000 đồng khi bán hết số thuốc trên và chở H đi theo cùng, T đồng ý. Lúc 04 giờ 04 phút ngày 29/10/2020, H nhắn tin cho T đến đón, T điều khiển xe ô tô 51B-284.08, đến đón H tại nhà số 7 Nguyễn Du, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An và chở H đến khu vực bờ đê xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để H lấy thuốc lá. Lấy thuốc lá xong, H lên xe cùng 1.900 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu được chứa trong các túi nilon màu đen. Sau đó, T điều khiển xe ô tô trên đến đoạn đường thuộc Quốc lộ 62 Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thì có 01 người phụ nữ tên My (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0945502513 đã hẹn trước đón xe và mang theo thuốc lá lên xe. Sau khi phụ giúp My đưa thuốc lá lên xe (không rõ số lượng), T điều khiển xe đến trước nhà địa chỉ 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, My yêu cầu T dừng xe và xuống xe mở cửa lấy thuốc lá để giao cho Dương Thị Xuân M đứng chờ sẵn tại địa chỉ trên. My giao thuốc lá cho M xong và leo lên xe thì bị Công an tiến hành bắt quả tang như trên. Khi Công an kiểm tra xe T phát hiện trên xe có 2.200 bao thuốc lá các loại (không tính 750 bao My đã giao cho M); trong đó 1.900 bao thuốc lá là của H, còn lại 300 bao thuốc lá là của My. Tổng số lượng thuốc lá T đã vận chuyển là 2.950 bao thuốc lá các loại.

T quen biết với H vào tháng 8/2020 do H ở gần nhà và cũng thường xuyên đón xe T đi như những người khách bình thường không vận chuyển hàng hóa. Sau nhiều lần đi xe, H xin số điện thoại T. Do cần có thêm tiền thu nhập, T hỏi H có hàng gì chở không thì H nói T chở thuốc lá điều nhập lậu cho H nên T đồng ý. Do xe ô tô T thuê với giá 500.000 đồng/ngày muốn kiếm thêm thu nhập, biết thuốc lá này là hàng cấm nên T nói với H mỗi lần cần T vận chuyển thì H nhắn tin trước cho T biết rõ số lượng của từng loại thuốc lá, số tiền lời và số tiền công vận chuyển được hưởng khi vận chuyển, để T thấy đủ tiền công thì T mới đồng ý. Ngoài số tiền 50% số tiền lời được H chia thì T còn thu thêm 160.000 đồng tiền vé xe vận chuyển hành khách của H tương đương với một người khách. T không có góp tiền, không thỏa thuận, không biết và không tham gia vào việc H mua thuốc lá từ ai và bán thuốc lá cho những ai. T đã vận chuyển thuốc lá cho H được khoảng 10 lần trước khi bị bắt, nhưng không nhớ rõ cụ thể số lượng thuốc lá đã vận chuyển, chỉ nhớ thu lợi được khoảng 6.000.000 đồng, T đã tiêu xài hết.

Đối với đối tượng My, T không biết rõ nhân thân lai lịch, T biết My vì ban đầu My cũng là khách quen hay đón xe của T. Sau đó, My thường xuyên liên lạc kêu T đón My ở Quốc lộ 62 thuộc Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, mỗi khi lên xe My hay đem theo thuốc lá. T biết thuốc lá nhưng chỉ lấy tiền xe mỗi lần My đi với giá như một người khách 160.000 đồng/lượt đi và về do My thường đem theo số lượng ít (một túi nilon nhỏ). T không ăn chia tiền lời với My, không tham gia việc mua bán thuốc với My. Ngày 29/10/2020, T đón My gần cầu cửa Đông, thị xã Kiến Tường. Khi đón, My mang theo một ba lô và một túi màu đen đựng thuốc lá không biết bao nhiêu. T điều khiển xe đến trước nhà địa chỉ 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, thì My yêu cầu dừng xe để My xuống xe mở cửa lấy thuốc lá giao cho Dương Thị Xuân M đứng chờ sẵn tại địa chỉ trên, khi My giao thuốc lá cho M xong thì bị bắt quả tang, lúc này T mới biết là 750 bao thuốc lá, còn lại 300 bao thuốc lá của My còn ở trên xe.

Trần Thị H khai nhận như sau: Vào lúc 21 giờ 52 phút ngày 28/10/2020, H sử dụng số điện thoại: 089868816 nhắn tin vào số điện thoại: 0918051805 của T hẹn sáng ngày 29/10/2020 đến chợ Kiến Tường, Long An để chở 1.900 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu cho H gồm: 300 bao thuốc lá hiệu HERO; 300 bao thuốc lá hiệu JET; 100 bao thuốc lá hiệu ESSE SPECIAL GOLD, 100 bao thuốc lá hiệu CANYON, 500 bao thuốc lá hiệu 555, 100 bao thuốc lá hiệu CRAVEN A, 100 bao thuốc lá hiệu MOND BLUEBERRY, 100 bao thuốc lá hiệu ESSE LIGHTS, 200 bao thuốc lá hiệu ESSE MENTHOL, 100 bao thuốc lá hiệu RICHMOND, cùng với nội dung số tiền lời từng loại và tiền chia cho T tiền công vận chuyển là 950.000 đồng khi bán hết số thuốc trên và chở H đi theo cùng, T đồng ý. Vào lúc 04 giờ 04 phút ngày 29/10/2020, H nhắn tin cho T qua số điện thoại trên đến đón H. T điều khiển xe ô tô 51B 28408 đến đón H tại nhà H ở số 7 Nguyễn Du, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An và chở H đến khu vực lề đường kênh 01 giáp biên giới Campuchia, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để H lấy thuốc lá. Tại đây, H đã mua 1.900 gói thuốc lá

các loại của 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) với giá 15.500.000 đồng. Do quen biết, nên H trả trước 10.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả khi bán hết số thuốc lá trên. Sau đó, T điều khiển xe chở H cùng thuốc lá đi Thành phố Hồ Chí Minh để giao cho khách. Trên đường đi, T có dừng xe đón một người phụ nữ tên My không rõ lai lịch. Khi đến trước số nhà 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, T dừng xe để My giao thuốc lá cho khách của My thì Công an phát hiện bị bắt giữ như trên. Số lượng thuốc 1.900 bao thuốc lá trên là của H dự định mang bán cho đối tượng Phụng có số điện thoại 0909863716 theo hẹn trước nhưng chưa kịp giao thì bị thu giữ. Nếu bán hết số thuốc trên H lời được 1.950.000 đồng và sẽ trả cho T 950.000 đồng tiền vận chuyển. H biết thuốc lá mà H mua bán là hàng cấm nhưng do cuộc sống khó khăn, cần có tiền tiêu xài nên đã mua bán thuốc lá điều nhập lậu từ khoảng tháng 10/2020.

H quen T do T ở gần nhà và thường xuyên đón xe của T để đi. Sau khi nhiều lần đi xe, H xin số điện thoại T. T hỏi H có hàng gì chở không. H nói T chở thuốc lá cho H, H sẽ trả tiền công vận chuyển, T đồng ý. Từ khi bán thuốc lá đến khi bị bắt, H chỉ kêu mình T vận chuyển thuốc lá. T đã đồng ý chở H và thuốc lá khoảng 10 lần, mỗi lần T chở H đi thì trước khi đi H đều nhắn cho T biết số lượng thuốc và số tiền lời, thường H sẽ chia cho T 50 % số tiền lời vì H nghĩ đó là trả công vận chuyển cho T. Ngoài ra, mỗi lần đi H còn trả thêm 160.000 đồng/lượt đi là tiền vận chuyển tương đương một người khách.

Từ khi bán thuốc lá đến khi bị bắt, H chỉ mua thuốc lá của người phụ nữ không rõ lai lịch tại lề đường Kênh 1, thuộc Kênh 1, Km 01+200, tỉnh lộ 831, ấp Ông Nhan Tây, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Khi cần mua, H sẽ gọi điện thoại cho người phụ nữ này nói số lượng cần mua, H không nhớ số điện thoại, không lưu tên. Việc mua, trao đổi thỏa thuận giá và thanh toán với người phụ nữ trên là do một mình H thực hiện. T chỉ phụ đưa hàng lên xe và chở H đến khu vực chợ Học Lạc để H giao cho người tên Phụng (không rõ lai lịch) có số điện thoại 0909863716 tại khu vực gần chợ Học Lạc, Quận 5. T không góp tiền, không tham gia vào việc mua bán thuốc lá của H. Từ khi mua bán thuốc lá đến khi bị bắt H mua của người phụ nữ không rõ lai lịch khoảng 10 lần, dao động từ 500 bao thuốc đến 1.900 bao thuốc, H không nhớ rõ số lượng, không có hóa đơn chứng từ. Sau khi trả tiền vận chuyển cho T, H thu lợi được khoảng 6.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Dương Thị Xuân M khai nhận: Khoảng 06 giờ ngày 29/10/2020, M nhận điện thoại từ đối tượng My (không rõ lai lịch) có số điện thoại 0945502513 nói xe sắp tới và yêu cầu M đến địa chỉ số 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, để nhận hàng. M chạy xe mô tô biển số 59K2-436.36, đến đợi trước nhà số 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, để chờ My đến giao thuốc lá. Khi xe ô tô 51B – 28408 dừng lại, M đến sau xe nhận 02 thùng hàng bên trong có 750 bao thuốc lá các loại từ My. Trong lúc, M chuẩn bị đưa thuốc lá lên xe máy đi tiêu thụ thì bị Công an bắt giữ và kiểm tra số lượng thuốc lá trong 02 thùng M đã nhận là 750 bao thuốc lá điều ngoại nhập lậu các loại gồm: 500 bao thuốc lá hiệu CAPRI, 100 bao thuốc lá hiệu MOND (hương dâu), 50 bao thuốc lá hiệu

MOND (hương nho) và 300 bao thuốc lá hiệu MOND BLUEBERRY. M đã thanh toán cho My tổng số tiền 8.500.000 đồng. Nếu không bị bắt và bán hết số thuốc trên M lời khoảng 200.000 đồng. M biết thuốc lá điều nhập lậu là hàng cấm nhưng do cuộc sống gia đình khó khăn, cần có tiền trang trải nên bắt đầu mua bán từ tháng 4/2020, không đi thường xuyên. M chỉ mua thuốc lá của một mình My thông qua số điện thoại 0945502513. Khi cần mua thuốc lá, M gọi điện thoại cho My báo số loại thuốc lá, số lượng và hẹn địa điểm giao. M không nhớ rõ chính xác số lượng và thời gian mua. Mỗi bao thuốc lá điều M bán ra lời khoảng 200 đến 300 đồng, tùy loại. Từ khi mua đến khi bị bắt M thu lợi khoảng 1.000.000 đồng. Sau khi mua thuốc lá từ My, M bán lại cho khách vắng lai không rõ lai lịch.

Đối với đối tượng My là người bán thuốc lá cho Dương Thị Xuân M và đối tượng Phụng người mua thuốc lá của Nguyễn Thị H: Cơ quan điều tra đã có Công văn gửi cho Tổng Cty Dịch Vụ Viễn Thông-VNPT Vinaphone và Công ty Thông Tin Di Động VMS-Mobiphon xác minh số điện thoại 0945502513 và 0909863716 nhưng chưa có kết quả.

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKSQ11 ngày 05/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M tội danh “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Võ Minh T tội danh “Vận chuyển hàng cấm” theo khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điều 50; khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị H;

Áp dụng Điều 50; khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Thị Xuân M;

Áp dụng Điều 50; khoản 1, khoản 4 Điều 191; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Minh T.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Tuyên bố bị cáo Võ Minh T phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án 20/5/2021. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tiền phạt được nộp ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Xuân M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 08 tháng 27 ngày do bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 26/01/2021 (89 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Dương Thị Xuân M cho Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án 20/5/2021. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), tiền phạt được nộp ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Võ Minh T cho Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T và những người tham gia tố tụng khác không có ai kháng cáo.

Ngày 17/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS kháng nghị toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 11, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T đã thừa nhận các hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng:

- Về hình thức: sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

- Về nội dung kháng nghị: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định... Viện kiểm sát nhận thấy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử bị cáo Võ Minh T về tội “Vận chuyển hàng cấm” là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án và có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật về hình phạt đối với các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T, bởi lẽ:

Trước mỗi lần H đi mua thuốc lá điều nhập lậu thì đều nhắn tin trên điện thoại di động báo cho T biết số lượng thuốc lá sẽ mua bán, số tiền lời sẽ thu được, số tiền T được chia tương đương một nửa (50%) số tiền lời. Nội dung tin nhắn này thể hiện trong điện thoại thu giữ của các bị cáo, cả hai bị cáo T và H đều khai phù hợp với nhau. Ngoài ra, mỗi lần đi thì H còn trả thêm cho T 160.000 đồng/lượt đi là tiền vận chuyển tương đương một hành khách. T biết thuốc lá chở cho H là hàng cấm, đồng ý giúp H đi lấy thuốc lá và chở đi giao cho người mua, được hưởng lợi 50% từ tiền lời, tổng cộng đã thực hiện được khoảng 10 lần, hưởng lợi được khoảng 6.000.000 đồng. Do đó, hành vi của Võ Minh T đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự với vai trò là đồng phạm giúp sức cho Trần Thị H. Cấp sơ thẩm xác định T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là không đúng.

Về hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Xuân M: Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Thị Xuân M nhưng không ghi rõ áp dụng khoản nào và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp do hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt nặng hơn hình phạt tiền và khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự không quy định hình phạt này. Về hình phạt đối với bị cáo Võ Minh T, Trần Thị H: bản án sơ thẩm tuyên xử cả hai bị cáo cùng một mức án là chưa phân hóa, tính chất, mức độ, vai trò và trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có sai sót khi ghi bị cáo H có trình độ học vấn là 6/12, bị cáo M trình độ học vấn: 02/12, đề nghị xác định lại cho đúng, bị cáo H trình độ học vấn 5/12, bị cáo M trình độ học vấn 12/12.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11 để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T đã thừa nhận các diễn biến, hành vi do các bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cụ thể như sau:

Võ Minh T thuê xe ô tô biển số 51B-284.08 của em dâu là Lê Thị Xuân Trang kinh doanh vận tải hành khách tuyến thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An đi Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 8/2020, T quen biết Trần Thị H là hành khách thường xuyên đi xe của T. Do muốn có thêm thu nhập, T hỏi H có hàng gì chở không, H đề nghị T chở H đi lấy thuốc lá điều nhập lậu và giao cho khách của H. Mỗi lần đi, H sẽ nhắn tin báo trước cho T số lượng thuốc lá sẽ mua bán, số tiền lời sẽ thu được, T sẽ được chia tương đương một nửa (50%) số tiền lời, kèm số tiền 160.000 đồng/lượt là tiền vé xe vận chuyển đi về thì T đồng ý.

Vào lúc 04 giờ 04 phút ngày 29/10/2020, sau khi nhận được tin nhắn của H, T điều khiển xe ô tô 51B 28408 đến đón H tại số 7 Nguyễn Du, Phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An và chở H đến khu vực lề đường kênh 01 giáp biên giới Campuchia, xã Bình Hiệp, thị xã Kiến Tường để H mua 1.900 gói thuốc thuốc lá các loại của 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) rồi chở H đi Thành phố Hồ Chí Minh để bán cho đối tượng Phụng có số điện thoại 0909863716 (không rõ lai lịch) theo hẹn trước. H hứa sẽ trả cho T 950.000 đồng là tiền lời và tiền vận chuyển. Trên đường đi, khi đến đoạn đường thuộc Quốc lộ 62 Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An, T có hẹn trước và dừng xe để đón 01 người phụ nữ tên My (không rõ lai lịch) cũng mang theo thuốc lá điều nhập lậu. T phụ My đưa thuốc lá lên xe rồi điều khiển xe đi Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, khi xe đến trước nhà địa chỉ 23 Hàn Hải Nguyên, Phường 16, Quận 11, T dừng xe để My lấy thuốc lá giao cho Dương Thị Xuân M đang đậu xe gắn máy biển số 59K2 - 436.36 đứng chờ sẵn. Khi My vừa giao thuốc lá xong và M chuẩn bị đưa thuốc lá lên xe gắn máy đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt quả tang. Thu giữ 750 bao thuốc lá điều các loại mà Dương Thị Xuân M vừa nhận từ đối tượng My. Kiểm tra xe ô tô thu giữ 1.900 bao thuốc lá điều các loại của Trần Thị H và 300 bao thuốc lá điều các loại còn lại của My. Tổng cộng là 2.950 bao thuốc lá các loại có nhãn hiệu: HERO, JET, ESSE SPECIAL GOLD, CANYON, 555, CRAVEN A, MOND BLUEBERRY, ESSE LIGHTS, ESSE MENTHOL, RICHMOND, CAPRI, MOND (hương dâu), MOND (hương nho). Tại kết luận số: 96/CV-2020 HHTLVN ngày 02/11/2020, Hiệp Hội Thuốc Lá Việt Nam kết luận: số thuốc lá này là thuốc lá điều nhập lậu.

Võ Minh T và Trần Thị H thừa nhận đã cùng nhau thực hiện được khoảng 10 lần trước khi bị bắt, nhưng không nhớ rõ cụ thể số lượng, đã giao cho ai, mỗi

bị cáo thu lợi được khoảng 6.000.000 đồng và đã tiêu xài hết. Qua xác minh, ngày 09/7/2019 Dương Thị Xuân M đã bị Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính số 2915/QĐ-XPVPHC xử phạt hành chính về hành vi “Buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu”. Riêng đối tượng tên My đã bỏ trốn, chưa bắt được.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T không có kháng cáo.

[2] Xét kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.1] Về tội danh:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo Trần Thị H, Dương Thị Xuân M, Võ Minh T phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can, vật chứng thu giữ, kết luận giám định... Bị cáo Thị H đã có hành vi buôn bán 1.900 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại; bị cáo Dương Thị Xuân M, mặc dù số lượng thuốc lá điều nhập lậu bị bắt quả tang bị cáo buôn bán dưới mức quy định nhưng do trước đó bị cáo có 01 tiền sự bị Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính về hành vi “Buôn bán hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu” vào ngày 09/7/2019 theo Quyết định số 2915/QĐ-XPVPHC, chưa hết thời hiệu được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Thị H phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190; bị cáo Dương Thị Xuân M phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Võ Minh T, xét thấy: Trước mỗi lần Trần Thị H đi mua thuốc lá điều nhập lậu thì đều nhắn tin trên điện thoại di động báo cho Võ Minh T biết số lượng thuốc lá sẽ mua bán, số tiền lời sẽ thu được, số tiền lời T được chia tương đương một nửa (50%). Nội dung tin nhắn này thể hiện trong điện thoại thu giữ của các bị cáo, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau. Ngoài ra, mỗi lần đi thì H còn trả thêm cho T tiền vé của một lượt đi về là 160.000 đồng. T biết thuốc lá H mua bán là hàng cấm nhưng vẫn đồng ý chở H đi lấy thuốc lá và chở H đi giao cho người mua, nhằm hưởng lợi 50% từ tiền lời và tiền vé vận chuyển. Thực tế, T và H đã cùng nhau thực hiện được khoảng 10 lần, mỗi bị cáo hưởng lợi được khoảng 6.000.000 đồng. Về ý thức chủ quan T biết rõ hành vi vi phạm của H nhưng vẫn đồng ý và cố ý thực hiện để giúp H phạm tội. Hành vi của Võ Minh T có dấu hiệu đồng phạm với Trần Thị H về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Việc điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo Võ Minh T về tội danh “Vận chuyển hàng cấm” là chưa đúng sự thật khách quan hành vi phạm tội của bị cáo.

Quá trình điều tra chưa làm rõ các bị cáo H, T phạm tội có tổ chức hay không, bởi T không phải bỏ tiền vốn, không phải tìm nguồn thuốc lá để mua, không cần liên hệ với người mua để bán thuốc lá nhưng vẫn được hưởng tiền lời 50% và tiền vận chuyển. Ngoài ra, chưa xác định rõ 10 lần các bị cáo đã thực hiện thành công chi tiết từng lần như thế nào, để xem xét các bị cáo có phạm tội thuộc trường hợp từ 02 lần trở lên hay không.

Ngoài hành vi buôn bán hàng cấm như trên, thì chưa điều tra làm rõ hành vi vận chuyển hàng hóa là thuốc lá điều nhập lậu của Võ Minh T đối với số thuốc lá thu giữ của đối tượng My (chưa rõ lai lịch). Cần xem xét ý thức chủ quan của T, mối quan hệ, quen biết My trong những lần vận chuyển thuốc lá như thế nào, nếu có căn cứ thì xem xét xử lý cho đúng quy định.

Do vậy, để đảm bảo việc xét xử các bị cáo Võ Minh T, Trần Thị H đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Võ Minh T và bị cáo Trần Thị H để tiến hành điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

[2.2] Về phần hình phạt:

- Đối với nội dung kháng nghị cho rằng: bản án sơ thẩm tuyên xử hai bị cáo Võ Minh T, Trần Thị H cùng một mức án 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa phân hóa, tính chất, mức độ, vai trò và trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án. Xét thấy nội dung kháng nghị này chỉ nêu chung chung, không phân tích chỉ rõ trách nhiệm hình sự của bị cáo nào nặng hơn và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cũng không đề nghị xử phạt bị cáo nào theo hướng nặng hơn bị cáo nào. Xét thấy, mức hình phạt áp dụng đối với mỗi bị cáo ngoài căn cứ theo tính chất, mức độ, vị trí, vai trò, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo gây ra thì còn phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo. Như đã phân tích ở trên, do hủy bản án sơ thẩm đối với bị cáo Võ Minh T và Trần Thị H để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đánh giá nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát.

- Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng: Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Thị Xuân M nhưng không ghi rõ áp dụng khoản nào và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp do hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt nặng hơn hình phạt tiền và khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự không quy định hình phạt này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do bị cáo M bị truy tố, xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự đã là khung hình phạt nhẹ nhất của Điều luật, cấp sơ thẩm nhận định chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo thuộc loại nhẹ hơn thì cần phải ghi rõ căn cứ pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự. Việc không ghi rõ áp dụng khoản nào của Điều 54 Bộ luật hình sự là có thiếu sót nên Hội đồng xét xử đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, sửa lại cho phù hợp.

Riêng nội dung kháng nghị cho rằng: việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp do hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt nặng hơn hình phạt tiền và khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự không quy định hình phạt này là không có căn cứ, bởi lẽ:

Tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định các hình phạt chính đối với người phạm tội gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Điều luật này quy định về các hình phạt chính đối với người phạm tội mà không nêu hình phạt cải tạo không giam giữ là nặng hơn so với hình phạt tiền. Khi người phạm tội hội đủ các điều kiện thì Tòa án có thể áp dụng một trong các hình phạt mà Bộ luật hình sự quy định. Tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự quy định: người phạm tội bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Để có cơ sở áp dụng hình phạt tiền thì người phạm tội phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện kinh tế, thu nhập để có thể thi hành án. Nếu người phạm tội không có điều kiện thi hành án về phạt tiền nhưng vẫn bị áp dụng hình phạt tiền thì việc áp dụng hình phạt này lại trở thành trở ngại lớn khiến họ không thể thi hành án. Hình phạt tiền lúc này không phải là hình phạt nhẹ hơn so với hình phạt cải tạo không giam giữ như cách hiểu của Viện kiểm sát.

Do vậy, bị cáo Dương Thị Xuân M có đủ điều kiện để được áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự nên việc chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ là không trái quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Xuân M: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo M các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo M là lao động chính trong gia đình, chồng đã chết, đang nuôi con gái bị bệnh nan y, trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp phạt theo Quyết định xử phạt hành chính số 2915/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2019 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, xử phạt bị cáo xử phạt bị cáo Dương Thị Xuân M 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Dương Thị Xuân M là độc lập, việc hủy toàn bộ bản án sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị hủy toàn bộ bản án, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Dương Thị Xuân M.

- Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị H xác định học hết lớp 5/12, bị cáo Dương Thị Xuân M xác định chưa từng học hết trung học phổ thông, bị cáo nhớ chỉ đi học lớp 1, 2 thì nghỉ và cũng không xác định được trình độ học vấn của mình. Tại lý lịch bị can cũng không nêu trình độ học vấn của bị cáo nên không xác định được chính xác bị cáo M có trình độ học vấn lớp mấy. Việc ghi nhận trình

độ học vấn này không ảnh hưởng đến nhân thân lai lịch của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận lại cho đúng.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Minh T, Trần Thị H, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 để điều tra lại theo thủ tục chung.

Nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm của các bị cáo Trần Thị H và Võ Minh T sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị cáo Dương Thị Xuân M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm số 37/QĐ-VKS ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy một phần bản án sơ thẩm số 29/2021/HS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 11 về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Võ Minh T và bị cáo Trần Thị H.

Tuyên bố bị cáo Dương Thị Xuân M phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

1. Căn cứ Điều 50; điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Dương Thị Xuân M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 08 tháng 27 ngày do bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 26/01/2021 (89 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Dương Thị Xuân M cho Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 11 để chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Võ Minh T và Trần Thị H. Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo

Võ Minh T và Trần Thị H cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 thụ lý lại vụ án.

3. Bị cáo Dương Thị Xuân M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND Quận 11; (1)
- CC THA Quận 11; (1)
- Bị cáo; (3)
- TAND Quận 11; (2)
- Công an Quận 11; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn